TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bá

2. Bà Võ Ngọc Ba

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến– Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa*: Ông Lê Phong Cảnh- Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:182/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, về việc *"Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1990.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1986 "vắng mặt".

Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị K "vắng mặt".

Cùng địa chỉ cư trú: khu Y, thị trấn L, huyện S, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày: Chị và bị đơn anh Nguyễn Thanh P xây dựng hôn nhân vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L vào ngày 11/02/2009. Sau khi kết hôn thì sống cùng gia đình cha mẹ chồng, tại khu Y, thị trấn L. Thời gian chung sống được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do cuộc sống không còn hợp nhau, bất đồng cuộc sống,

thường cự cãi nhau nên vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 01 năm 2015 đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh H, sinh ngày 02/4/2009, hiện anh P đang nuôi và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/7/2011, chị đang nuôi. Tài sản chung, nợ chung chị xác định không có. Nay xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung chị yêu cầu để anh P tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thanh H và chị tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của chị Lê Thị Hồng N, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh P không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng: Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức K, miễn, giảm, K, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Lê Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Giao con chung Nguyễn Thanh H cho anh P tiếp tục nuôi và giao cháu Nguyễn Thị Thanh T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh P, địa chỉ khu Y, thị trấn K, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Do đó Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh P.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Thanh P kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 11/02/2009 tại Ủy ban nhân dân thị Trấn K, huyện L theo giấy chứng nhân kết hôn số: 10, quyển số: 01 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, chị Lê Thị Hồng N cho rằng vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng cuộc sống, thường cự cãi nhau nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Xét thấy mâu Kẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh P có 02 con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 02/4/2009, hiện anh P đang nuôi và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/7/2011, hiện đang sống chung với chị N. Xét thấy cháu H đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống với anh P và từ năm 2015 đến nay anh P lo cho cháu H cuộc sống cũng đảm bảo. Còn cháu T hiện tại sống với chị N, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu T sống với chị N, chị N cũng có yêu cầu tiếp tục nuôi, anh P cũng không có ý kiến gì. Xét thấy cháu T từ khi sống với chị N đến nay cuộc sống đã ổn định, chị N cũng lo cho cháu chu đáo nên chấp nhận yêu cầu của Chị N. Tiếp tục giao cháu H cho anh P nuôi và giao cháu T cho chị N nuôi, chị N và anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một người con, không ai có yêu cầu cấp dưỡng và hiện tại con chung cuộc sống cũng đảm bảo nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Nguyễn Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 02/4/2009 cho anh Nguyễn Thanh P tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/7/2011 cho chị Lê Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và anh P, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* chị Lê Thị Hồng N đã nộp theo biên lai thu số 0014576 ngày 02/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Kận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
- Thi hành án dân sự huyện L
- Uỷ ban nhân dân thị trấn K;
(Giấy kết hôn số: 10, ngày 11/02/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.